

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2021/QĐST-VDS

An Phú, ngày 08 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Tuấn.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên họp: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 06/2020/TLST-VDS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “Tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 617/2020/QĐST-VDS ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên họp số 111/2021/TB-TA ngày 19 tháng 02 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phan Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Thanh V, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp VH, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Lê Thị Bích Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 06, ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Bích Th có yêu cầu vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Vào ngày 18/9/2020, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang được gia đình đưa đến Bệnh viện tâm thần Trung Ương 2 để khám và được kết luận bị bệnh tâm thần phân liệt không biệt định (F20.3-ICD10). Gia đình thấy sức khỏe bà H ngày càng sa sút, mất khả năng lao động, mọi sinh hoạt cá nhân đều do các thành viên gia đình giúp đỡ, không còn khả năng chăm sóc con ruột là cháu Nguyễn Gia Kh, sinh ngày 18/12/2018. Do đó, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy cháu Kh phát triển bình thường, gia đình bà H thống nhất để cháu Kh cho bà Phan Thị T nuôi dạy. Tuy nhiên, do không thực hiện được thủ tục cho và nhận con nuôi nên bà Phan Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị H mất năng lực hành vi dân sự để bà T có thể làm thủ tục nhận con nuôi theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 04/02/2021, bà Phan Thị T có đơn thay đổi yêu cầu giải quyết việc dân sự, yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị H có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Lý do, mục đích, căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những vấn đề nêu trên: Để bà T có thể làm thủ tục nhận con nuôi theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai cùng ngày 04/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị M, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn Đ cùng cho biết: Bà Nguyễn Thị H trước đây có sức khỏe bình thường, sau khi có gia đình, sinh được 02 con thì bà H phát bệnh. Sau khi phát bệnh thì vợ chồng bà H ly hôn, con chung thì sinh sống cùng cha. Sau đó bà H đi bán vé số trên Bình Dương, rồi có thai mà không rõ cha là ai. Năm 2018, bà H về quê sinh con, đặt tên là Nguyễn Gia Kh, sinh ngày 18/12/2018. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên gia đình thống nhất để cháu Kh làm con nuôi cho gia đình nào có nhu cầu. Thời điểm đó, bà Lê Thị Bích Th là người thân trong gia đình có giới thiệu bà Phan Thị T, sinh năm 1987 và chồng là ông Lê Thanh V, sinh năm 1985 do chung sống không

có con nên có nhu cầu xin con nuôi. Gia đình đồng ý để bà Phan Thị T nhận cháu Kh làm con nuôi. Ông H1, bà M, ông H2 và ông Đ cùng yêu cầu Tòa án sớm giải quyết vụ việc để bà Phan Thị T hoàn tất thủ tục nhận cháu Khánh làm con nuôi. Do bận công việc làm ăn nên ông H1, bà M, ông H2 và ông Đ cùng yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án mở phiên họp.

Tại bản tự khai ngày 04/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh V cho biết: Ông là chồng của bà Phan Thị T, cả hai chung sống với nhau nhiều năm nhưng không có con. Qua sự giới thiệu của bà Lê Thị Bích Th, được biết bà Nguyễn Thị H bị bệnh tâm thần, khi đi bán vé số ở Bình Dương thì có thai nhưng không rõ cha là ai. Sau khi bà H sinh con thì ông V và bà T có đến nhà bà H xin con nuôi và được gia đình bà H đồng ý. Tuy nhiên, do chưa đủ thủ tục để nhận con nuôi nên ông V có yêu cầu Tòa án sớm giải quyết vụ việc để hoàn tất thủ tục nhận con nuôi. Do bận công việc làm ăn nên ông V yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án mở phiên họp.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 26/11/2020, người làm chứng bà Lê Thị Bích Th cho biết: Bà Th có quan hệ là chị em cô cậu với bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 và là bạn của bà Phan Thị T. Hiện nay, cả gia đình bà H đều đã lên tỉnh Bình Dương đi làm thuê, chỉ về nhà trong các dịp lễ Tết. Bà Nguyễn Thị H trước đây có sức khỏe bình thường. Tuy nhiên, sau khi có gia đình, sinh được 02 con thì bà H phát bệnh. Sau khi phát bệnh thì vợ chồng bà H ly hôn, con chung thì sinh sống cùng cha. Khi đi bán vé số trên Bình Dương, bà H có thai mà không rõ cha là ai. Năm 2018, bà H về quê sinh con, đặt tên là Nguyễn Gia Kh. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên gia đình bà H quyết định để cháu Kh làm con nuôi cho gia đình nào có nhu cầu xin con nuôi. Thời điểm đó, vợ chồng bà Phan Thị T và ông Lê Thanh V chung sống nhiều năm không có con nên có nhu cầu xin con nuôi, bà Th đã dẫn bà T, ông V đến gia đình bà H để nhận con nuôi. Gia đình bà H hào chấp nhận nên bà T đã làm các thủ tục để xin nhận con nuôi. Bà Th yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án mở phiên họp giải quyết do bận công việc làm ăn.

Theo biên bản xác minh ngày 05/02/2021, đại diện Ủy ban nhân dân (UBND) xã Phước Hưng cho biết: Qua kiểm tra sổ hộ tịch tại UBND xã Phước Hưng, đến thời điểm hiện nay bà Nguyễn Thị H không đăng ký kết hôn với ai khác.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên họp:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm ra Quyết định giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng và đầy đủ.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người yêu cầu bà

Phan Thị T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 23, khoản 1 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Phan Thị T, tuyên bố bà Nguyễn Thị H là người “Có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”. Căn cứ Điều 48, Điều 49, Điều 53, Điều 54 Bộ luật dân sự, đề nghị Tòa án chỉ định người giám hộ cho bà Nguyễn Thị H. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Buộc bà Phan Thị T phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H là người bị yêu cầu tuyên bố có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Do sức khỏe ngày càng sa sút, mất khả năng lao động nên gia đình đã đưa bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang đến Bệnh viện tâm thần Trung Ương 2 khám và được kết luận bị bệnh tâm thần phân liệt không biệt định (F20.3 – ICD10) theo Phiếu khám sức khỏe tâm thần ngày 18/9/2020 của Bệnh viện tâm thần Trung Ương 2. Bà Nguyễn Thị H hiện nay đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Bên cạnh đó, theo Kết luận giám định pháp y tâm thần theo yêu cầu số 45/2021/KLGD ngày 03/02/2021 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận:

- Về y học: Hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần: Tâm thần phân liệt thể không biệt định (F20.3 – ICD10), giai đoạn bệnh thuyên giảm.

- Về năng lực: Hiện tại đương sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Do đó, bà Phan Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị H có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1

Điều 23 Bộ luật dân sự.

[3] Về chỉ định người giám hộ:

Bà Nguyễn Thị H trước đây có kết hôn với ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1980; địa chỉ: PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang và chung sống có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 11/4/2005 và Nguyễn Thị Ngọc Gi, sinh ngày 30/7/2009. Năm 2014, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh H1 thuận tình ly hôn, ông H1 được trực tiếp nuôi dạy 02 con chung (theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 25/2014/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện An Phú). Kể từ khi ly hôn cho đến thời điểm hiện nay, bà Nguyễn Thị H cũng không đăng ký kết hôn với ai khác (theo biên bản xác minh ngày 05/02/2021 tại UBND xã Phước Hưng). Các con của bà H chưa đủ điều kiện để làm người giám hộ, cha mẹ bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị M có đủ điều kiện giám hộ theo quy định tại Điều 49 Bộ luật dân sự. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 23, Điều 46, Điều 49, Điều 54 Bộ luật dân sự, Tòa án chỉ định ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị M là người giám hộ đối với bà Nguyễn Thị H.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, các điều 149, 371, 372, 378 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 23, 48, 49, 54, 57, 58 và 59 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị T: Tuyên bố bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang là người “Có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”.

2. Chỉ định ông Nguyễn Văn H1 sinh năm 1965 và bà Lê Thị M, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang là người giám hộ cho

bà Nguyễn Thị H. Ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị M có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Bộ luật dân sự.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

3.1. Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004894 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Phú. Bà Phan Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3.2. Bà Phan Thị T phải chịu 4.333.750 (bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng chi phí giám định pháp y tâm thần. Bà Phan Thị T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh An Giang (01);
- VKSND huyện An Phú (01);
- Chi cục THA Dân sự huyện An Phú (01);
- TAND tỉnh An Giang (01);
- Lưu VP (01);
- Lưu hồ sơ vụ án (01).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Tuấn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm.....”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”